

Số: 116/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân, của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **43** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **86%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và Khoa Giáo dục Chính trị cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

(Kèm theo Nghị quyết số: 116/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,40	5	100%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4									
Tiêu chí 4.1	3	3,67	2	66,67%	Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.1	4	3,80	4	80%
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.3	4				
Tiêu chí 5.1	4	4,00	4	80%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.1	4	4,00	5	83,33%
Tiêu chí 5.5	5	Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.3	3				
Tiêu chí 6.1	5	4,29	7	100%	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.5	5				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.3	4			
		Tiêu chí 11.4	4						
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		43			86%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

*(Kèm theo Nghị quyết số: 116/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân (chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng cơ bản phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Bản mô tả chương trình đào tạo khá đầy đủ nội dung và được cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế có sự gắn kết giữa các khối kiến thức, được rà soát, cập nhật và phân bổ khá hợp lý. Các hoạt động dạy và học có sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, hướng dẫn; các hình thức đánh giá khá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra; kết quả và quy trình phúc tra dễ tiếp cận. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ, có năng lực nghiên cứu khoa học. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ trách nhiệm, nhiệt huyết với công việc, gắn bó với đơn vị và Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành tốt; các hoạt động ngoại khóa và tư vấn, hỗ trợ người học được tổ chức hiệu quả. Cảnh quan môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động; các điều kiện an ninh an toàn được đảm bảo. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phục vụ chương trình đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, các thông tin phản hồi cơ bản được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo; kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng hiệu quả vào việc cải tiến các hoạt động dạy học; văn hóa chất lượng được hình thành khá ổn định. Các kết quả đầu ra của chương trình đào tạo được giám sát, phân tích và đối sánh để cải tiến chất lượng; số sinh viên nhập học có xu hướng tăng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Giáo dục Chính trị cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến của đa dạng các bên liên quan để tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách có hệ thống, thể hiện đầy đủ hơn các yêu cầu năng lực cần có đối với các nhóm vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp; điều chỉnh chuẩn đầu ra về tin học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; diễn đạt chuẩn xác hơn, đảm bảo tính khả thi và có thể đo lường, đánh giá được; sớm thực hiện chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ bậc 3; tăng cường phổ biến tới các bên liên quan, đặc biệt là người học và giảng viên.

2. Tổ chức rà soát, cấu trúc lại Bản mô tả chương trình đào tạo học lý hơn; làm rõ nội dung tuyên bố về triết lý giáo dục/phương pháp tiếp cận dạy và học của chương trình đào tạo, tham chiếu nội bộ và bên ngoài, danh sách và hồ sơ năng lực của giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo để làm rõ hơn sự nổi trội của chương trình đào tạo; thiết lập ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các học phần; đa dạng hơn nữa các hình thức công khai Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đến các bên liên quan.

3. Nghiên cứu điều chỉnh tăng số tín chỉ tự chọn và số học phần tự chọn ở khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm, tăng tính gắn kết giữa tất cả các học phần; phân luồng các khối kiến thức theo các nhóm việc làm, thiết kế thống nhất từ phần cơ sở ngành đến chuyên ngành, nghiệp vụ sư phạm và có hướng dẫn người học lựa chọn phù hợp; xây dựng ma trận phát triển kỹ năng, từ đó rà soát mức độ tương thích giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá với chuẩn đầu ra; điều chỉnh chương trình dạy học đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra và đảm bảo mỗi học phần đều có đóng góp và đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Xây dựng và ban hành chính thức triết lý giáo dục của Trường, phổ biến rộng rãi và hướng dẫn chuyển tải vào trong các hoạt động dạy học của chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá sự phù hợp, nhất quán của phương pháp dạy học; tăng cường các hoạt động dạy học rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng giảng viên chủ nhiệm, ngoại ngữ, công nghệ số....; lồng ghép để phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết giúp cho việc học tập suốt đời; có giải pháp phù hợp giám sát và đánh giá tự học và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của từng phương pháp đánh giá để điều chỉnh nhằm đảm bảo đánh giá được chuẩn xác mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra; đa dạng các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện các kỹ năng thực hành, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, khả năng kiến tạo của người học; thường xuyên phân tích đánh giá độ tin cậy, độ phân biệt của đề thi, kết quả thi và có kế hoạch xây dựng bộ công cụ phù hợp để đánh giá được mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: xây dựng tiêu chí và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; tiếp tục hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá, ghi nhận đóng góp gắn với đãi ngộ để tạo động lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và giữ chân người tài; có quy định, hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng và thực hiện chỉ số theo dõi nhiệm vụ này theo các loại hình cụ thể đối với giảng viên; rà soát đồng bộ chính sách, cơ chế hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác trong và ngoài nước, kết nối địa phương, doanh nghiệp để thu hút nguồn lực; đẩy mạnh các nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu ứng dụng có khả năng chuyển giao trong thực tiễn.

7. Chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên bám sát với tải lượng công việc của từng đơn vị cũng như các mục tiêu, chỉ số phát triển; cân nhắc việc quản trị, đánh giá năng lực nhân viên hàng tháng dựa trên hệ thống KPIs; tạo điều kiện cho nhân viên đăng ký các sáng kiến để phát huy cao sự sáng tạo, tự chủ trong công việc; khảo sát nhu cầu của đội ngũ nhân viên trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên các khóa

bồi dưỡng có sự phối kết hợp, giao lưu với nhân viên, cố vấn học tập từ các trường đại học khác để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tăng kiến thức thực tế.

8. Bám sát nhu cầu xã hội, điều kiện đảm bảo chất lượng của ngành đào tạo và các quy định đặc thù với khối ngành đào tạo giáo viên; tham khảo ý kiến rộng rãi của các bên liên quan ngoài Trường, nhu cầu và định hướng ngành học của thí sinh khi xây dựng chính sách tuyển sinh; xây dựng chính sách truyền thông tuyển sinh chi tiết, hướng trọng tâm đến các chương trình đào tạo khó tuyển; thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản quy định, nhất là các văn bản liên quan đến hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ của người học.

9. Nghiên cứu đầu tư phòng thực hành chuyên ngành cho các học phần thực hành và học phần có nội dung thực hành; đánh giá hiệu quả sử dụng, khả năng phối hợp hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành, phòng máy cùng trang thiết bị sẵn có để tạo môi trường học tập, thực hành, nghiên cứu mới, giúp hình thành kỹ năng chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên (như các studio thu âm, ghi hình các buổi giảng tập, rèn nghề hoặc thực hiện các dự án học tập, ...); tăng cường đầu tư cập nhật hệ thống học liệu phù hợp cho chương trình đào tạo, nhất là học liệu điện tử; nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chú trọng các phần mềm quản lý tích hợp để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và triển khai giảng dạy.

10. Rà soát, điều chỉnh quy trình xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo căn cứ vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo và tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của Trường; khai thác hiệu quả kết quả phản hồi của các bên liên quan cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và nội dung chương trình dạy học; ban hành quy định, hướng dẫn về nguyên lý phát triển chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra; hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để củng cố văn hóa chất lượng Nhà trường và tạo sự lan tỏa trong tất cả các hoạt động, nhất là để liên tục cải tiến và không ngừng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

11. Ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp; đổi mới chính sách khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tăng kinh phí thực hiện theo Nghị định 99/2014-NĐ-CP; sớm ban hành quy định tổng thể về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan; hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Giáo dục Chính trị cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
